TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2024/HS-ST
Ngày: 27- 6- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tín

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Diệu Huệ

Ông Phạm Minh Khiết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 48/2024/TLST-HS, ngày 05 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

H V Đ, sinh năm 1988, tại: T N; Hộ khẩu thường trú: X V C, xã B N, huyện Đ T, tỉnh T N; Chỗ ở: Số 16-01 lock H, Chung cư T số 4449 đường N C P, phường T T A, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam con ông H V Đ, sinh năm 1961 và bà V T H, sinh năm 1963; hoàn cảnh gia đình: Có vợ đã ly hôn năm 2000 và có 01 con sinh năm 2014; Tiền án: 01. Ngày 22/02/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Vận chuyển hàng cấm", thời gian thử thách 05 năm tình từ ngày tuyên án(Bản án số 10/2019/HSST), ngày 31/8/2022 được quyết định rút ngắn thời gian thử thách 03 tháng; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (Có mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Bà L T T N, sinh năm 1995; Trú tại: Chung cư N L 2, đường 54A, phường T T, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

2/Ông P A, sinh năm 1975; Trú tại: Số C14/14B đường 1A, xã V L B, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

3/Bà N T C V, sinh năm 1974; Trú tại: Số 20/1/17 đường M L, phường B T Đ A, quận B T, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

4/Bà L M D, sinh năm 1978; Trú tại: Số 97/4 đường K D V, phường 12, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh(Vắng mặt);

5/N T C N Đ, sinh năm 1972; Trú tại: Số 1346 đường T L 10, khu phố 4, phường T T, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh(Vắng mặt);

6/Bà N T Y N, sinh năm 1981; Trú tại: Số 97/70 đường H T C, phường 12, quận T B Thành phố Hồ Chí Minh(Vắng mặt);

7/Bà T T M T, sinh năm 1985; Trú tại: Số 117/85 đường H V L, phường T T, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

8/Ông N Q H, sinh năm 1997; Trú tại: Số 200 đường 3/2 phường 12, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 40 phút, ngày 19/7/2023, tại trước nhà số 1410 T L 10, phường T T quận B T, tổ 363 (Tổ 6) Công an Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện H V Đ đang ngồi trên xe mô tô Honda SH màu đen biển số 59D2- 579.67 có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra và mời về trụ sở Công an phường Tân Tạo để làm việc. Qua kiểm tra điện thoại di động Iphone 12 Promax của Đ có chứa tài liệu liên quan đến việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên tiến hành bàn giao đối tượng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Tân thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Đ khai nhận do muốn kiếm tiền nên từ khoảng tháng 03/2021 đến tháng 6/2023, Đ đã có hành vi cho người khác vay tiền dưới hình thức trả góp hàng ngày, có trường hợp có thu phí, có trường hợp không. Đ sử dụng điện thoại để giới thiệu và liên lạc với những người vay tiền. Khi có người cần vay tiền, Đ trực tiếp đến nơi ở của người cần vay để làm rõ nơi ở, cách liên lạc với người vay, chụp giấy tờ tùy thân của người vay tiền, trường hợp nào ở xa thì Đ yêu cầu viết giấy mượn nợ, không giữ giấy chứng minh hoặc căn cước của người vay để làm vật thế chấp, không lập hợp đồng. Sau khi cho một người vay, Đ sẽ ghi lại vào mục ghi chú trong điện thoại. Mỗi ngày, Đ đến gặp trực tiếp và thu tiền mặt từ người vay, không thu thêm tiền, phí phạt khi người vay đóng trễ

tiền phải đóng hàng ngày, không thuê hoặc nhờ người khác thực hiện việc cho vay, thu hồi nợ, không có ai giúp sức cho Đ thực hiện hành vi phạm tội.

Từ khoảng tháng 03/2021 đến tháng 7/2023, Đ đã cho 06 người vay tiền dưới hình thức trả góp trên địa bàn quận B T, cụ thể như sau:

1. Người vay: Chị L T T N

Chị N vay tổng 04 lần tại trước Chung cư N L, phường T T, quận B T, bắt đầu vay từ tháng 4/2023, mỗi lần vay từ 5.000.000 đồng - 10.000.000 đồng, đã đóng xong 04 lần, hiện đang vay 01 lần. Tổng số tiền đã cho vay của 4 lần là 25.000.000 đồng. Thời hạn đóng một lần từ 12 - 24 ngày, 03 lần với mức lãi suất 25%/tháng và 01 lần với mức lãi suất 45%/tháng, vượt quá 23,33% đến 43,33% mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, không thu phí hồ sơ, chi phí khác. Số tiền lãi Đ đã thu của 04 lần là 4.850.000 đồng, trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (1,666%/tháng) là 261.038 đồng, tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật dân sự đã thu là 4.588.000 đồng. Cụ thể những lần vay tiền như sau:

Lần 1: Vào tháng 4/2023 chị N vay bị cáo Đ số tiền 10.000.000 đồng, lãi đứng theo ngày, thu 150.000 đồng/ngày, tiền gốc 10.000.000 đồng vẫn giữ nguyên, chị N góp tiền lãi 14 ngày là 2.100.000 đồng và trả 10.000.000 đồng tiền gốc cho Đ. Như vậy số tiền lãi bị cáo Đ thu được là 2.100.000 đồng/14 ngày trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 77.778 đồng/14 ngày. Số tiền bị cáo Đ thu lợi bất chính là 2.022.222 đồng. Lãi suất 45%/tháng.

Lần 2: Vào tháng 5/2023 chị N vay bị cáo Đ số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 24 ngày, thu tiền gốc và lãi 250.000 đồng/ngày. Số tiền bị cáo Đ đã thu hết của 24 ngày là. 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi của 24 ngày là 1.000.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 66.640 đồng/24 ngày. Số tiền bị cáo Đ thu lợi bất chính là 933.360 đồng, không thu phí. Lãi suất 25%/tháng.

Lần 3: Vào tháng 6/2023 chị N vay bị cáo Đ số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 24 ngày, thu tiền gốc và lãi 250.000 đồng/ngày. Số tiền bị cáo Đ đã thu hết của 24 ngày là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi của 24 ngày là 1.000.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 66.640 đồng/24 ngày. Số tiền bị cáo Đ thu lợi bất chính là 933.360 đồng, không thu phí. Lãi suất 25%/tháng.

Lần 4: Vào tháng 7/2023 chị N vay bị cáo Đ số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 24 ngày, thu tiền gốc và lãi 250.000 đồng/ngày. Bị cáo Đ đã thu hết 18

ngày thì bị phát hiện, bắt giữ. Số tiền đã thu của 18 ngày là 4.500.000 đồng, trong đó tiền lãi của 18 ngày là 750.000 đồng (trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 49.980 đồng/18 ngày, số tiền lãi vượt quá quy định Bộ luật dân sự là 700.020 đồng. Số tiền bị cáo Đ thu lợi bất chính là 700.020 đồng, không thu phí. Lãi suất 25%/tháng.

1. Người vay anh P A

Anh P A vay tiền của Đ 02 lần tại trước chung cư N L, phường T T, quận B T, tổng số tiền đã cho vay của 02 lần là 6.000.000 đồng. Thời hạn đóng một lần 24 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc và lãi là 150.000 đồng. Số tiền sau khi kết thúc một lần nợ là 3.600.000 đồng. Số tiền lãi thực tế đã thu của 02 lần là 1.200.000 đồng, trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (1,666%/tháng) là 79.968 đồng. Tiền lãi vượt quá quy định bộ luật dân sự đã thu là 1.120.032 đồng, lãi suất tương đương 25%/tháng, vượt quá 23,33% mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, không thu phí hồ sơ, chi phí khác. Cụ thể những lần vay tiền như sau

Lần 1: Vào ngày 12/4/2023 anh A vay bị cáo Đ số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn vay 24 ngày, thu tiền gốc và lãi 150.000 đồng/ngày. Số tiền bị cáo Đ đã thu hết của 24 ngày là 3.600.000 đồng, trong đó tiền lãi của 24 ngày là 600.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 39.984 đồng/24 ngày. Số tiền bị cáo Đ thu lợi bất chính là 560.016 đồng, không thu tiền phí hồ sơ. Lãi suất 25%/tháng.

Lần 2: Vào ngày 16/6/2023 anh A vay bị cáo Đ số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn vay 24 ngày, thu tiền gốc và lãi 150.000 đồng/ngày. Số tiền bị cáo Đ đã thu hết của 24 ngày là. 3.600.000 đồng, trong đó tiền lãi của 24 ngày là 600.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 39.984 đồng/24 ngày. Số tiền bị cáo Đ thu lợi bất chính là 560.016 đồng, không thu tiền phí hồ sơ. Lãi suất 25%/tháng.

1. Người vay chị N T C V

Chị V vay 03 lần, mỗi lần vay từ 3.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng. Tổng số tiền vốn đã cho vay của 03 lần là 21.000.000 đồng. Thời hạn đóng một lần từ 60 ngày đến 90 ngày, mỗi ngày đóng tiền lãi cố định, tiền gốc giữ nguyên. Tổng số tiền đã đóng của 03 lần là 43.450.000 đồng, trong đó, số tiền gốc đã thu về là 12.000.000, tiền lãi đã thu là 31.950.000 đồng (Trong đó, lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (1,666%/tháng) là 1.183.000 đồng, tiền lãi vượt quá quy định Bộ luật dân sự là 30.766.667 đồng, lãi suất tương đương là

45%/tháng, vượt quá 43,33% mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự), phí hồ sơ là 1.500.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính đã thu là 32.266.667 đồng. Cụ thể những lần vay tiền như sau:

Lần 1: Vào ngày 29/5/2022 chị V vay bị cáo Đ số tiền 7.000.000 đồng, lãi đứng theo ngày, thu 105.000 đồng/ngày, tiền phí là 700.000 đồng, tiền gốc 7.000.000 đồng vẫn giữ nguyên, chị V góp tiền lãi đến ngày 29/8/2022 tổng là 90 ngày x 105.000 đồng/ngày = 9.450.000 đồng và trả cho bị cáo Đ số tiền gốc 4.000.000 đồng. Còn nợ lại tiền gốc 3.000.000 đồng. Do đó, số tiền lãi bị cáo Đ thu được là 9.450.000 đồng/90 ngày trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 350.000 đồng/90 ngày. Số tiền bị cáo Đ thu lợi bất chính là 9.800.000 đồng (9.100.000 đồng + 700.000 đồng phí hồ sơ). Lãi suất 45%/tháng.

Lần 2: Từ ngày 29/8/2022 Đ tiếp tục thu số tiền lãi của 3.000.000 đồng tiền gốc còn nợ của chị V 45.000 đồng/ngày (tiền gốc 3.000.000 đồng vẫn giữ nguyên) chị V góp tiền lãi tính đến ngày 29/10/2022 là 60 ngày x 45.000 đồng/ngày = 2.700.000 đồng, số tiền gốc 3.000.000 chị V vẫn nợ. Do đó, số tiền lãi bị cáo Đ thu được là 2.700.000 đồng/60 ngày trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 100.000 đồng/60 ngày. Số tiền bị cáo Đ thu lợi bất chính là 2.600.000 đồng. Lãi suất 45%/tháng.

Lần 3: Từ ngày 29/10/2022 Đ tiếp tục cho chị V vay thêm 8.000.000 đồng, thu phí 800.000 đồng + 3.000.000 đồng còn nợ là 11.000.000 đồng. Thu lãi 165.000 đồng/ngày (tiền gốc 11.000.000 đồng vẫn giữ nguyên). Tính đến ngày 29/2/2023 chị V góp được 120 ngày x 165.000 đồng/ngày = 19.800.000 đồng. Do đó, số tiền lãi bị cáo Đ thu được là 19.800.000 đồng/120 ngày trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 733.333 đồng/120 ngày. Số tiền thu lợi bất chính là 19.866.667 đồng (19.066.667 đồng + 800.000 đồng tiền phí). Lãi suất 45%/tháng.

Sau ngày 29/02/2023 do mất khả năng chi trả nên chị V có đề nghị bị cáo Đ cho trả tiền gốc. Đến thời điểm chị V được mời làm việc chị V đã trả cho bị cáo Đ được 8.000.000 đồng trong tổng số 11.000.000 đồng tiền gốc, vẫn còn nợ 3.000.000 đồng tiền gốc chưa trả được

1. Người vay chị L M D

Chị D vay của Đ 10 lần, tổng số tiền là 110.000.000 đồng. Có lần đóng tiền gốc và lãi theo ngày, có lần chỉ thu tiền lãi, tiền gốc giữ nguyên. Số tiền thực tế đã thu của 10 lần vay là 128.600.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 93.200.000, tiền

lãi là 28.400.000 đồng (trong đó, lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (1,666%/tháng) là 1.482.816 đồng, tiền lãi vượt quá quy định của bộ luật dân sự là 26.917.184 đồng, lãi suất 09 lần 30%/tháng và 01 lần lãi suất 45%/tháng, vượt quá 28,33% đến 43,33% mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự), tiền phí hồ sơ 7.000.000 đồng. Lần cuối chị D chưa trả cho bị cáo số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Cụ thể những lần vay tiền như sau:

- Lần 1, vào ngày 08/4/2023, bị cáo Đ cho chị D vay 10.000.000 đồng, phí là 1.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, thu tiền gốc và lãi 500.000/ngày. Tổng số tiền bị cáo Đ đã thu trong 25 ngày là 12.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi là 2.500.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 138.833 đồng, số tiền lãi bị cáo Đ thu lợi bất chính là 2.361.167 đồng, Lãi suất mà Đ cho chị D vay là 30%/tháng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 3.361.167 (bao gồm lãi thu lợi bất chính và tiền phí).

- Lần 2, vào ngày 24/4/2023, bị cáo Đ cho chị D vay 10.000.000 đồng, phí là 500.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, thu tiền gốc và lãi 500.000/ngày. Tổng số tiền bị cáo Đ đã thu trong 25 ngày là 12.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi là 2.500.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 138.833 đồng, số tiền lãi bị cáo Đ thu lợi bất chính là 2.361.167 đồng, Lãi suất mà Đ cho chị D vay là 30%/tháng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 2.861.167 (bao gồm lãi thu lợi bất chính và tiền phí).

- Lần 3, vào ngày 11/5/2023, bị cáo Đ cho chị D vay 10.000.000 đồng, phí là 500.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, thu tiền gốc và lãi 500.000/ngày. Tổng số tiền bị cáo Đ đã thu trong 25 ngày là 12.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi là 2.500.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 138.833 đồng, số tiền lãi bị cáo Đ thu lợi bất chính là 2.361.167 đồng, Lãi suất mà Đ cho chị D vay là 30%/tháng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 2.861.167 (bao gồm lãi thu lợi bất chính và tiền phí).

- Lần 4, vào ngày 31/5/2023, bị cáo Đ cho chị D vay 10.000.000 đồng, phí là 500.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, thu tiền gốc và lãi 500.000/ngày. Tổng số tiền bị cáo Đ đã thu trong 25 ngày là 12.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi là 2.500.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 138.833 đồng, số tiền lãi bị cáo Đ thu lợi bất chính là 2.361.167 đồng, Lãi suất mà Đ cho chị D vay là 30%/tháng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 2.861.167 (bao gồm lãi thu lợi bất chính và tiền phí).

- Lần 5, vào ngày 10/6/2023, bị cáo Đ cho chị D vay 10.000.000 đồng, phí là 500.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, thu tiền gốc và lãi 500.000/ngày. Tổng số tiền bị cáo Đ đã thu trong 25 ngày là 12.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi là 2.500.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 138.833 đồng, số tiền lãi bị cáo Đ thu lợi bất chính là 2.361.167 đồng, Lãi suất mà Đ cho chị D vay là 30%/tháng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 2.861.167 (bao gồm lãi thu lợi bất chính và tiền phí).

- Lần 06: Vào ngày 27/6/2023 chị D vay bị cáo Đ số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, thu tiền gốc và lãi 500.000 đồng/ngày, phí 500.000 đồng. Số tiền đã thu hết của 20 ngày là 10.000.000 đồng, trong đó tiền lãi của 20 ngày là 2.000.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 111.067 đồng/20 ngày. Số tiền bị cáo Đ thu lợi bất chính là 2.388.933 đồng (1.888.933 đồng + 500.000 đồng phí), Lãi suất mà Đ cho chị D vay là 30%/tháng, số tiền lãi còn lại Đ chưa kịp thu thì bị phát hiện, ngăn chặn.

- Lần 7: Vào ngày 24/5/2023 chị D vay bị cáo Đ số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, thu tiền gốc và lãi 500.000 đồng/ngày, phí 1.000.000 đồng. Số tiền đã thu hết của 25 ngày là 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi của 25 ngày là 2.500.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 138.333 đồng/25 ngày. Số tiền bị cáo Đ thu lợi bất chính là 3.361.167 đồng (2.361.167 đồng + 1.000.000 đồng phí). Lãi suất mà Đ cho chị D vay là 30%/tháng.

- Lần 8: Vào ngày 10/6/2023 chị D vay bị cáo Đ số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, thu tiền gốc và lãi 750.000 đồng/ngày, phí 750.000 đồng. Số tiền đã thu hết của 25 ngày là 18.750.000 đồng, trong đó tiền lãi của 25 ngày là 3.750.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 208.250 đồng/25 ngày. Số tiền Đ thu lợi bất chính là 4.291.750 đồng (3.541.750 đồng + 750.000 đồng phí). Lãi suất mà Đ cho chị D vay là 30%/tháng.

- Lần 9: Vào ngày 30/6/2023 chị D vay Đ số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, thu tiền gốc và lãi 750.000 đồng/ngày, phí 750.000 đồng. Đ thu được 17 ngày thì bị phát hiện, bắt giữ, số tiền đã thu của 17 ngày là 12.750.000 đồng, trong đó tiền lãi của 17 ngày là 2.550.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 141.610 đồng/17 ngày. Số tiền Đ thu lợi bất chính là 3.158.390 đồng (2.408.390 đồng + 750.000 đồng phí). Lãi suất mà Đ cho chị D vay là 30%/tháng.

- Lần 10: Vào ngày 12/6/2023 chị D vay Đ số tiền 10.000.000 đồng, lãi đứng theo ngày, thu 150.000 đồng/ngày, thu phí là 1.000.000 đồng, tiền gốc 10.000.000 đồng vẫn giữ nguyên, chị D góp tiền lãi 34 ngày là 5.100.000 đồng. Như vậy số tiền lãi thu được là 5.100.000 đồng/34 ngày trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 188.889 đồng/34 ngày. Số tiền Đ thu lợi bất chính là 5.911.111 đồng (4.911.111 đồng + 1.000.000 đồng phí). Lãi suất mà Đ cho chị D vay là 45%/tháng.

1. Người vay chị N T C N Đ

Chị Đ vay của bị cáo Đ 10 lần tổng số tiền là 95.000.000 đồng, đóng tiền gốc và lãi theo ngày, không thu phí hồ sơ. Số tiền thực tế đã thu của 10 lần vay là 114.000.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 95.000.000, tiền lãi là 18.000.000 đồng (trong đó, lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (1,666%/tháng) là 1.266.160 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính đã thu là 17.733.840 đồng, lãi suất 09 lần 30%/tháng và 01 lần lãi suất 45%/tháng, vượt quá 28,33% đến 43,33% mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự). Cụ thể những lần vay tiền như sau:

- Lần 1: Vào tháng 3/2021 chị Đ vay bị cáo Đ số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 24 ngày, thu tiền gốc và lãi 250.000 đồng/ngày. Số tiền đã thu hết của 24 ngày là. 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi của 24 ngày là 1.000.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 66.640 đồng/24 ngày. Số tiền Đ thu lợi bất chính là 933.360 đồng, không thu phí. Lãi suất mà Đ cho chị Đ vay là 25%/tháng.

- Lần 2: Tháng 4/2021, chị Đ vay của Đ 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 ngày. Tổng số tiền bị cáo Đ đã thu là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 133.280 đồng, số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.866.120 đồng, không thu phí. Lãi suất mà Đ cho chị Đ vay là 25%/tháng.

- Lần 3: Tháng 5/2021, chị Đ vay của Đ 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 ngày. Tổng số tiền bị cáo Đ đã thu là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 133.280 đồng, số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.866.120 đồng, không thu phí. Lãi suất mà Đ cho chị Đ vay là 25%/tháng.

- Lần 4: Tháng 6/2021, chị Đ vay của Đ 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 ngày. Tổng số tiền bị cáo Đ đã thu là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là

133.280 đồng, số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.866.120 đồng, không thu phí. Lãi suất mà Đ cho chị Đ vay là 25%/tháng.

- Lần 5: Tháng 7/2021, chị Đ vay của Đ 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 ngày. Tổng số tiền bị cáo Đ đã thu là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 133.280 đồng, số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.866.120 đồng, không thu phí. Lãi suất mà Đ cho chị Đ vay là 25%/tháng.

- Lần 6: Tháng 8/2021, chị Đ vay của Đ 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 ngày. Tổng số tiền bị cáo Đ đã thu là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 133.280 đồng, số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.866.120 đồng, không thu phí. Lãi suất mà Đ cho chị Đ vay là 25%/tháng.

- Lần 7: Tháng 9/2021, chị Đ vay của Đ 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 ngày. Tổng số tiền bị cáo Đ đã thu là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 133.280 đồng, số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.866.120 đồng, không thu phí. Lãi suất mà Đ cho chị Đ vay là 25%/tháng.

- Lần 8: Tháng 10/2021, chị Đ vay của Đ 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 ngày. Tổng số tiền bị cáo Đ đã thu là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 133.280 đồng, số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.866.120 đồng, không thu phí. Lãi suất mà Đ cho chị Đ vay là 25%/tháng.

- Lần 9: Tháng 11/2021, chị Đ vay của Đ 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 ngày. Tổng số tiền bị cáo Đ đã thu là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 133.280 đồng, số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.866.120 đồng, không thu phí. Lãi suất mà Đ cho chị Đ vay là 25%/tháng.

- Lần 10: Tháng 12/2021, chị Đ vay của Đ 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 ngày. Tổng số tiền bị cáo Đ đã thu là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng trừ đi lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 133.280 đồng, số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.866.120 đồng, không thu phí. Lãi suất mà Đ cho chị Đ vay là 25%/tháng.

1. Người vay chị N T Y N (tại quận T B)

Ngày 14/7/2023, Đ cho chị N vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, thu tiền gốc và lãi 800.000 đồng/ngày, chị N mới đóng được 03 ngày thì Đ

bị phát hiện, bắt giữ. Số tiền bị cáo Đ đã thu hết của 03 ngày là 4.600.000 đồng, trong đó tiền vốn là 2.727.272 đồng, tiền lãi của 03 ngày là 872.727 đồng (trong đó lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 33.320 đồng, tiền lãi vượt quá Bộ luật dân sự là 839.407 đồng, lãi suất 20%/ tháng, vượt quá 18,33% so với quy định của Bộ luật dân sự), tiền phí hồ sơ 1.000.000 đồng. Số tiền đã thu lợi bất chính là 1.839.407 đồng.

Tổng số tiền Đ đã cho 06 người vay là 277.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu 87.066.093 đồng (trong đó, lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự đã thu là 5.100.000 đồng, lãi thu lợi bất chính đã thu là 81.966.093 đồng, lãi suất tương đương là 25%/tháng đến 45%/tháng, vượt quá 23,33% đến 43,33%/tháng so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự). Tiền phí hồ sơ 9.500.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính đã thu là 91.466.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (Một) xe mô tô Honda SH 150i màu đen biển số 59D2- 579.67, đã qua sử dụng. Đ khai mượn của chị T T M T để làm phương tiện đi lại, chị T không biết Đ sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Qua xác minh, xe mô tô trên do anh N Q H đứng tên chủ sở hữu, anh H đã bán xe trên cho cửa hàng xe gắn máy Trịnh Long, sau đó chị T T M T mua lại năm 2023 có công chứng, chứng thực. Do đó, Cơ quan điều tra đã trả lại xe trên cho chị T (Bút lục 127).

- 01 (Một) ĐTDĐ Iphone 12 Promax, màu vàng 128GB, đã qua sử dụng, bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 (Một) ĐTDĐ Nokia trắng đen vỏ màu xanh, đã qua sử dụng, bị cáo sử dụng để liên lạc cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Tân, bị cáo H V Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của người vay L T T N, P A, N T C V, L M D, N T C N Đ, N T Y N cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 42/QĐ-VKS ngày 18/01/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân truy tố H V Đ về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo Khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân sau khi phân tích nội dung vụ án, phân tích chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, các tình tiết định tội, định khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 201 điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 38 điểm h khoản 1 Điều 52, Khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và đề nghị xử phạt bị cáo từ 150.000.000 đến 200.000.000 đồng về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

Đề nghị buộc bị cáo nộp lại số tiền vốn mà bị cáo dùng để cho vay sau khi được cấn trừ số tiền gốc mà người đi vay chưa trả đủ cho bị cáo còn lại và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo qui định của Bộ luật dân sự mà bị cáo thu của người đi vay để sung quỹ Nhà nước.

Buộc những người đi vay nộp lại số tiền gốc mà bị cáo cho vay mà người đi vay chưa trả để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo phải trả lại cho những người đi vay số tiền lãi đã thu vượt quá qui định của pháp luật. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù treo trở thành tù giam của bản án bản án số 10/2019/HSST của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Trong quá trình điều tra truy tố bị cáo H V Đ Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Tân, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận, nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của điều tra viên, kiểm sát viên, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của họ đã thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với bản kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, cùng với các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở pháp lý để kết luận hành vi của bị cáo H V Đ đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 201 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, nó mang tính chất bóc lột làm cho người vay tiền phải lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng thậm chí còn có thể phải bán tài sản nhà cửa để trả nợ…Ngoài ra, còn mang đến những hậu quả khó lường khác làm ảnh hưởng đến sức khỏe nhân phẩm, danh dự của con người và những thiệt hại khác về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội…mà trực tiếp là người đi vay phải chịu lãi suất quá cao dẫn đến mất khả năng chi trả. Hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước. Mặc dù bị cáo biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, là gây thiệt hại cho người vay bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng chỉ vì động cơ tư lợi muốn có tiền để tiêu xài mà không phải thông qua lao động chân chính bị cáo đã lợi dụng người đi vay tiền đang gặp hoàn cảnh khó khăn cần tiền gấp để giải quyết một số việc trong cuộc sống để ép những người vay tiền phải chịu mức lãi suất thật cao. Bị cáo đã ngang Nên thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra thể hiện ý thức bị cáo rất xem thường pháp luật, nên việc xử lý bị cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết để răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Do bị cáo đã có hành vi cho 06 người vay gồm L T T N, P A, N T C V, L M D, N T C N Đ, N T Y N vay với tổng số tiền 277.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu 87.066.093 đồng (trong đó, lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự đã thu là 5.100.000 đồng, lãi thu lợi bất chính đã thu là 81.966.093 đồng, lãi suất tương đương là 25%/tháng đến 45%/tháng, vượt quá 23,33% đến 43,33%/tháng so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự), tiền phí hồ sơ 9.500.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính đã thu là 91.466.000 đồng. Do đó Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[4] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 10/2019/HSST ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án. Do bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của bản án đã cho hưởng án treo nên lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong quá trình điều tra và tại và phiên tòa hôm

nay, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần thiết giải nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo theo qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền lãi mà bị cáo đã thu cao hơn qui định của Bộ luật dân sự được xác định là 81.966.093. Đây là khoản thu lợi bất chính cần buộc bị cáo trả lại cho người đi vay .

Đối với số tiền vốn bị cáo dùng để cho vay là 277.000.000 đồng. Đây là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định buộc bị cáo nộp lại số tiền trên để sung quỹ Nhà nước.

Đối với và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo qui định của Bộ luật dân sự là 5.100.000 đồng mà bị cáo thu của người đi vay. Đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, đồng thời hoạt động cho vay lãi nặng thường gắn với các băng nhóm tội phạm. Do đó, để đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm Hội đồng xét xử quyết định buộc bị cáo nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền lãi mà bị cáo đã thu cao hơn qui định của Bộ luật dân sự đối với bà L T T N là 4.588.000 đồng; ông P A là 1.120.032 đồng; bà N T C V là 30.766.667 đồng; bà L M D là 26.917.184 đồng; bà N T C N Đ là 17.733.840 đồng; N T Y N là 1.839.407 đồng là tiền thu lợi bất chính cần buộc bị cáo phải trả lại cho những người đi vay.

Đối với số tiền vốn mà người đi vay chưa trả đủ cho bị cáo đây là tiền của bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Buộc người vay có nghĩa vụ nộp lại số tiền này.

[6] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 xe mô tô Honda SH 150i màu đen biển số 59D2- 579.67, đã qua sử dụng. Đ khai mượn của chị T T M T để làm phương tiện đi lại, chị T không biết Đ sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Qua xác minh, xe mô tô trên do anh N Q H đứng tên chủ sở hữu, anh H đã bán xe trên cho cửa hàng xe gắn máy Trịnh Long, sau đó chị T T M T mua lại năm 2023 có công chứng, chứng thực. Do đó, Cơ quan điều tra đã trả lại xe trên cho chị T. Hội đồng xét xử xét thấy việc trả xe là phù hợp với qui định của pháp luật nên không xem xét giải quyết lại.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, màu vàng 128GB, đã qua sử dụng, bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại Nokia trắng đen vỏ màu xanh, đã qua sử dụng, là tư vật của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho bị cáo.

[7]Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự Hội đồng xét xử xét tính chất của vụ án quyết định phạt bổ sung bị cáo số tiền 40 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

[8]Về án phí hình sự sơ thẩm : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 201; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52, điểm b Khoản 1 Điều 55, Khoản 2 Điều 56; Điều 36, Điều 38, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo H V Đ 01(một) năm 06(sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", quy đổi thành 06(sáu) tháng tù giam. Tổng hợp hình phạt của bản án số 10/2019/HSST ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xử phạt bị cáo 02(hai) năm 06(sáu) tháng tù treo trở thành 02(hai) năm 06(sáu) tù giam. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 03(ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Căn cứ điểm a Khoản 2, điểm a Khoản 3 Điều 106, Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, màu vàng 128GB, đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại Nokia trắng đen vỏ màu xanh, đã qua sử dụng.

Buộc bị cáo H V Đ nộp lại số tiền 264.000.000 đồng và số tiền 5.100.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho bà L T T N số tiền 4.588.000 đồng. Ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bị cáo phải trả lại cho ông P A số tiền 1.120.032 đồng. Ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bị cáo phải trả lại cho bà N T C V số tiền 32.266.667 đồng. Ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bị cáo phải trả lại cho bà L M D số tiền 33.917.184 đồng. Ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bị cáo phải trả lại cho bà N T C N Đ số tiền 17.733.840 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bị cáo phải trả lại cho bà N T Y N số tiền 1.839.407 đồng. Ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không trả số tiền nêu trên thì các bị cáo phải chịu thêm khoản tiền lãi, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bà L M D nộp lại số tiền 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà N T C V nộp lại số tiền 3.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo H V Đ nộp phạt bổ sung số tiền 40.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm 4.573.256 (Bốn triệu năm trăm bảy mười ba nghìn hai trăm năm mươi sáu) đồng nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Chi cục thi hành án quận Bình Tân;
- Công an quận Bình Tân;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Viện kiểm sát quận Bình Tân;
- Người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- PC27 công an TPHCM;
- THA hình sự;
- Lưu.

Nguyễn Xuân Tín

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Xuân Tín